

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022

“V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Giang;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Ông Nguyễn Ngọc Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Khu 4, xã X, huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh **Đinh Ngọc Q**, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Khu 4, xã X, huyện Y, tỉnh Phú Thọ. (Hiện đang ở nước ngoài).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Dương Thị P, sinh năm 1975 và ông Đinh Ngọc C, sinh năm 1972.

Đều có địa chỉ: Khu 4, xã X, huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

(Chị T, bà P, ông C có đơn xin xét xử vắng mặt . Anh Q vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/02/2022 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và Anh Q kết hôn ngày 10/3/2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã X, huyện Y, tỉnh Phú Thọ. Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc sau vợ chồng xảy ra mâu thuẫn vì Anh Q không chịu làm ăn, không quan tâm đến cuộc sống gia đình; Gia đình hai bên đã khuyên bảo nhưng Anh Q không thay đổi, hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn Anh Q để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị T xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu Đinh Hạo N, sinh ngày 28/3/2014. Khi ly hôn Chị T đề nghị giao cho anh Đinh Ngọc Q và ông bà nội của cháu N là ông Đinh Ngọc C và bà Dương Thị P trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị T xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ.

Phía bị đơn: Anh Đinh Ngọc Q hiện đang ở nước ngoài được thể hiện tại công văn số: 10365/QLXNC-P5 ngày 20/5/2022 và danh sách khách xuất nhập cảnh ngày 19/5/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an xác định Anh Q xuất cảnh lần gần nhất ngày 25/12/2017, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do Chị T không biết địa chỉ của Anh Q ở đâu tại nước ngoài nên Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông Đinh Ngọc C và bà Dương Thị P (Bố, mẹ đẻ anh Q) và được ông C, bà P cung cấp như sau: Hiện tại Anh Q đang ở Đài Loan (Đài Trung) địa chỉ cụ thể ông, bà không biết. Nhưng gia đình và Anh Q vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại Zalo, Facebook, ông C, bà P đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho Anh Q và yêu cầu ông, bà cung cấp địa chỉ của Anh Q ở nước ngoài, ông, bà đã thông báo cho Anh Q biết xong Anh Q không cung cấp địa chỉ cho ông, bà để cung cấp cho Tòa án. Thông qua điện thoại ông, bà đã trao đổi nội dung Chị T xin ly hôn Anh Q và Anh Q cũng nhất trí ly hôn với Chị T.

Về con chung: Ông C, bà P xác định Chị T và Anh Q có một con chung là cháu Đinh Hạo N, sinh ngày 28/3/2014. Hiện nay cháu N đang do ông, bà trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc từ nhiều năm nay. Chị T có quan điểm đề nghị khi ly hôn giao cho anh Đinh Ngọc Q và ông, bà được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nam. Ông C, bà P nhất trí là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N sau khi Chị T và Anh Q ly hôn cho đến khi Anh Q về nước thì ông, bà có trách nhiệm giao cháu N cho Anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông, bà không đề nghị Chị T, Anh Q phải cấp dưỡng nuôi cháu N trong thời gian ông, bà nuôi dưỡng cháu N.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của Chị T và Anh Q Ông C, bà P không có ý kiến và không có đề nghị gì liên quan đến quyền lợi của mình.

Cháu Đình Hạo N có nguyện vọng ở với bố khi Chị T và Anh Q ly hôn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng qui định trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016; xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đình Ngọc Q.

Về con chung: Giao cháu Đình Hạo N, sinh ngày 28/3/2014 cho Anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Trong thời gian Anh Q ở nước ngoài tạm giao cháu N cho Ông C, bà P nuôi dưỡng đến khi anh Q trở về nước. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, Chị T vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, thăm nom, giáo dục, nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí Ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T nộp đơn xin ly hôn anh Đình Ngọc Q tại Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Phú Thọ. Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 11/5/2022 Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Phú Thọ đã có công văn số 86/2022/TA-YC gửi Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an đề nghị cung cấp thông tin xuất nhập cảnh đối với anh Đình Ngọc Q. Tại công văn số: 10365/QLXNC-P5 ngày 20/5/2022 và danh sách khách xuất nhập cảnh ngày 19/5/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an xác định anh Đình Ngọc Q đã xuất cảnh lần cuối cùng ngày 25/12/2017, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở

về nước. Như vậy, anh Q xuất cảnh ra nước ngoài trước khi Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Phú Thọ thụ lý vụ án nên vụ án được chuyển thẩm quyền cho Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết là đúng quy định của pháp luật được quy định tại khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong vụ án này Anh Q không có mặt ở Việt Nam nên Tòa án không tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 2 điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

Chị T đề nghị xin ly hôn với Anh Q và chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của Anh Q mà không cung cấp được địa chỉ của Anh Q ở chỗ nào tại nước ngoài, Tòa án đã thông qua thân nhân của Anh Q là ông Đinh Ngọc C và bà Dương Thị P (Bố, mẹ đẻ anh Q) thì thấy gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không biết địa chỉ cụ thể của Anh Q ở đâu tại nước ngoài, bản thân Anh Q cũng không cung cấp địa chỉ mặc dù đã được Ông C, bà P thông báo. Căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn nên cần xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tại phiên tòa anh Q vắng mặt còn Chị T, Ông C, bà P đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đinh Ngọc Q trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 10/3/2014 tại UBND xã X, huyện Y, tỉnh Phú Thọ, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa Chị T và Anh Q có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là quan điểm sống không hợp nhau, Anh Q không chịu làm ăn không quan tâm chăm lo cuộc sống của vợ chồng. Theo Chị T thì hai vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q. Mặc dù Anh Q không có lời khai xong thông qua Ông C, bà P là bố, mẹ đẻ Anh Q cung cấp quan điểm của Anh Q cũng nhất trí ly hôn với Chị T. Do vậy, có căn cứ để xác định tình cảm vợ chồng giữa Chị T và Anh Q đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử cho Chị T được ly hôn Anh Q là phù hợp với khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị T và Anh Q có 01 con chung là cháu Đinh Hạo N, sinh ngày 28/3/2014. Chị T có nguyện vọng để Anh Q được trực tiếp nuôi dưỡng. Trong

thời gian Anh Q ở nước ngoài Chị T nhất trí để Ông C, bà P thay Anh Q trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nam. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q. Phía Ông C, bà P cũng nhất trí quan điểm của Chị T; Ông C, bà P còn cung cấp thông tin phía Anh Q cũng đồng ý với quan điểm của Chị T về nuôi con chung khi Chị T và anh Q ly hôn. Trong thời gian Ông C, bà P nuôi dưỡng cháu Nam, Ông C, bà P tự nguyện không yêu cầu anh Q, Chị T phải cấp dưỡng nuôi cháu N cùng ông, bà.

Xét thấy: Nguyên vọng của Chị T để Anh Q được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Đình Hạo N, cháu Nhiên đang ở ổn định với Ông C, bà P (Bố, mẹ đẻ anh Quý), quan điểm của Chị T nhất trí để Anh Q được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nam và trong thời gian Anh Q ở nước ngoài Ông C, bà P là người trực tiếp nuôi dưỡng và hiện nay Ông C, bà P đang nuôi dưỡng cháu Nam có đủ điều kiện đảm bảo cho cháu học tập, phát triển tốt nhất về thể chất cũng như tinh thần trong thời gian Anh Q ở nước ngoài. Phía Ông C, bà P cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu N cho đến khi Anh Q về nước thì giao lại cho Anh Q và nguyện vọng của cháu Nam cũng xin được ở với anh Quý và Ông C, bà P trong thời gian anh Quý ở nước ngoài. Do vậy cần giao cháu Đình Hạo N cho anh Đình Ngọc Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp. Trong thời gian Anh Q ở nước ngoài tạm giao cháu N cho Ông C, bà P trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi nào Anh Q về nước Ông C, bà P có trách nhiệm giao lại cháu N cho Anh Q trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Quý.

Xác nhận sự tự nguyện của Ông C, bà P không yêu cầu anh Q, Chị T phải cấp dưỡng nuôi cháu N trong thời gian Ông C, bà P được tạm giao nuôi dưỡng cháu Nam.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị T xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này anh Quý về nước có yêu cầu thì được giải quyết bằng vụ án khác.

Về án phí: Chị T tự nguyện chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[3]. Về quyền kháng cáo đối với bản án : Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, 81,82,83 và điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4

điều 147; khoản 2 điều 207; điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228; khoản 1, 2 điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đinh Ngọc Q.

[2]. Về con chung: Giao cho anh Đinh Ngọc Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Đinh Hạo N, sinh ngày 28/3/2014.

Trong thời gian Anh Q ở nước ngoài tạm giao cháu Đinh Hạo N cho ông Đinh Ngọc C và bà Dương Thị P, trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi Anh Q về nước thì Ông C, bà P có trách nhiệm giao cháu N lại cho anh Quý.

Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q.

Chị T, Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi cháu N cùng Ông C, bà P. Vì Ông C, bà P tự nguyện không yêu cầu.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận Chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0008436 ngày 17/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

[5]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị T, Ông C, bà P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ. Anh Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Hảo

Nguyễn Ngọc Thắng

Nguyễn Hà Giang

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lập;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hà Giang

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

